

**ĐỀ CƯƠNG ÔN THI TỐT NGHIỆP**  
**KHÓA 27 NGUYỄN TÁT THÀNH**  
**ĐẠI HỌC LUẬT HỆ VỪA HỌC VỪA LÀM**

-----

- 1. Tên học phần: PHÁP LUẬT VỀ CHỦ THỂ KINH DOANH**
- 2. Số tín chỉ: 3 tín chỉ (45 tiết)**
- 3. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Luật Thương mại - Khoa Luật Thương mại**
- 4. Giảng viên hệ thống: Ths. Nguyễn Tuấn Vũ**
- 5. Hình thức thi: Thi viết - Học viên chỉ được sử dụng văn bản quy phạm pháp luật in trên giấy**
- 6. Thời gian thi: 90 phút**
- 7. Cấu trúc đề thi: gồm 02 dạng câu hỏi:**
  - (i) Nhận định đúng/ sai, giải thích tại sao*
  - (ii) Bài tập tình huống*

## PHẦN A: LÝ THUYẾT

### ❖ *Giới thiệu một số văn bản QPPL cần thiết:*

- Luật Doanh nghiệp năm 2020 (sửa đổi, bổ sung năm 2022)
- Luật Hợp tác xã năm 2023
- Luật Hợp tác xã năm 2012
- Luật Phá sản năm 2014
- Luật Viên chức 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2019)
- Luật Cán bộ, công chức 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019)
- Luật Phòng, chống tham nhũng 2018 (sửa đổi, bổ sung năm 2020)
- Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Phá sản
- Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ Về đăng ký doanh nghiệp
- Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp (sửa đổi, bổ sung năm 2023).

### ❖ *Tài liệu tham khảo*

- Giáo trình Pháp luật về chủ thể kinh doanh, Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh
- Các tài liệu tham khảo liên quan khác.

## **NỘI DUNG HỆ THỐNG:**

### **CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KINH DOANH VÀ CHỦ THỂ KINH DOANH**

#### **1. Kinh doanh và các loại hình chủ thể kinh doanh**

1.1. Sơ lược về quá trình phát triển của pháp luật điều chỉnh hình thức tổ chức kinh doanh ở Việt Nam

1.2. Khái niệm kinh doanh

K21 Đ4 LDN

1.3. Chủ thể kinh doanh

- Doanh nghiệp
- Hộ kinh doanh
- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1.4. Khái niệm, đặc điểm của doanh nghiệp

1.4.1. Khái niệm doanh nghiệp

*K10 Đ4 LDN*

1.4.2. Đặc điểm của doanh nghiệp

- Doanh nghiệp là tổ chức được thành lập hoặc đăng ký thành lập theo quy định pháp luật.
- Doanh nghiệp thể hiện dưới một hình thức pháp lý cụ thể.
- Doanh nghiệp có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch và có sử dụng lao động làm thuê.
- Mục đích của doanh nghiệp là kinh doanh.

1.5. Phân loại doanh nghiệp

- Theo hình thức pháp lý (loại hình DN)
- Theo tư cách pháp nhân
- Theo chế độ trách nhiệm tài sản
- Theo quy mô kinh doanh

#### **2. Thành lập và đăng ký doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp**

2.1. Quyền thành lập, quản lý doanh nghiệp tư nhân và công ty

- Khái niệm người thành lập, người quản lý doanh nghiệp (K24, K25 Đ4 LDN)
- Chủ thể có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp (K1 Đ17 LDN)

- Chủ thể bị cấm thành lập, quản lý doanh nghiệp (K2 Đ17 LDN; Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức, Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Phá sản...)

- Lưu ý:

- Các trường hợp bị hạn chế quyền thành lập DN (K1 Đ180, K3 Đ188, K3 Đ195 LDN).

- Các trường hợp hạn chế quyền quản lý DN (K1 Đ95; K5 Đ101; K3 Đ103; K2 Đ156; K2 Đ187 LDN).

## 2.2. Góp vốn vào doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp

- Khái niệm góp vốn: K18 Đ4 LDN

- Đối tượng có quyền góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp (K3, K4 Đ17 LDN; K2, K3 Đ195 LDN; Đ20 Luật phòng chống tham nhũng; Đ14 Luật Viên Chức; Đ20 Luật Cán bộ, công chức).

- Các trường hợp bị cấm

- Hạn chế quyền góp vốn

- Tài sản góp vốn:

- Các loại tài sản góp vốn (Đ34 LDN)

- Chuyển quyền sở hữu đối với tài sản góp vốn (Đ35 LDN)

- Định giá tài sản góp vốn (Đ36 LDN)

## 2.3. Ngành, nghề đầu tư kinh doanh

### 2.3.1. Ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh

- Các loại ngành, nghề bị cấm đầu tư kinh doanh: Luật Đầu tư (Đ6, Phụ lục I, II, III), LDN (K6 Đ16), Luật Hợp tác xã 2012 (K1 Đ24)

### 2.3.2. Ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện

- Các loại ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện: Luật Đầu tư (Đ7, Phụ lục IV), LDN (K1Đ8, K6Đ16), Luật Hợp tác xã 2012 (K6Đ12), văn bản pháp luật chuyên ngành về điều kiện đầu tư kinh doanh.

### 2.3.3. Ngành, nghề đầu tư kinh doanh khác

- Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm (Điều 33 Hiến pháp 2013).

- DN có quyền tự do kinh doanh ngành, nghề mà luật không cấm (K1 Đ7 LDN).

## 2.4. Thủ tục thành lập và đăng ký doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp

### 2.4.1. Tổng quan

### 2.4.2. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp

2.4.3. Cơ quan có thẩm quyền đăng ký kinh doanh và điều kiện để được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

1.4.4. Quy trình thành lập doanh nghiệp

1.4.5. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và giá trị pháp lý của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

1.4.6. Cung cấp thông tin và công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp

Đ32, Đ33 LDN

2.4.7. Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

- Đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
- Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp  
(Đ30, Đ31 LDN)

### **3. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp**

- Quyền của doanh nghiệp (Đ7 LDN)
- Nghĩa vụ của doanh nghiệp (Đ8 LDN)

## **CHƯƠNG 2. DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN VÀ HỘ KINH DOANH**

### **1. Doanh nghiệp tư nhân**

1.1. Khái niệm và đặc điểm của doanh nghiệp tư nhân

1.1.1. Khái niệm doanh nghiệp tư nhân

Doanh nghiệp tư nhân là doanh nghiệp do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp.

1.1.2. Đặc điểm của doanh nghiệp tư nhân

- Là một loại hình doanh nghiệp
- Không có tư cách pháp nhân
- Do 01 cá nhân đầu tư vốn thành lập và làm chủ sở hữu
- Có chế độ trách nhiệm tài sản vô hạn
- Khả năng huy động vốn hạn chế

1.2. Tổ chức quản lý doanh nghiệp tư nhân

- Chủ DNTN có toàn quyền định đoạt về cơ cấu tổ chức, quản lý DN (K1 Đ190 LDN);
- Chủ DNTN có thể trực tiếp hoặc thuê người khác điều hành hoạt động của DN (K2 Đ190 LDN);

- Chủ DNTN là người đại diện theo pháp luật của DN (K3 Đ190 LDN).

### 1.3. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp tư nhân

- DNTN có quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp
- Sự khác biệt về quyền của DNTN so với công ty?

*Lưu ý:*

- Hạn chế quyền của DNTN (K4 Đ188 LDN)
- Tư cách tham gia vào các quan hệ pháp luật của DNTN

### 1.4. Quyền và nghĩa vụ của chủ doanh nghiệp tư nhân

- Quyền và nghĩa vụ trong quản lý DN (Đ190 LDN)
- Quyết định về vốn đầu tư (Đ189 LDN)
- Cho thuê DNTN (Đ191 LDN)
- Bán DN (Đ192 LDN)
- Thực hiện quyền của chủ DNTN trong một số trường hợp đặc biệt (Đ193 LDN)

*Lưu ý:*

Hạn chế quyền của chủ DNTN (K3 Đ188 LDN)

## 2. Hộ kinh doanh

### 2.1 Khái niệm, đặc điểm

#### 2.1.1. Khái niệm

- Định nghĩa khái niệm Hộ kinh doanh:

*Hộ kinh doanh* do một cá nhân hoặc các thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh của hộ.

*(K1 Đ79 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP)*

- Vấn đề đưa HKD vào LDN

#### 2.1.2. Đặc điểm

- Là một loại CTKD nhưng không phải là một loại hình doanh nghiệp
- Do một cá nhân hoặc các thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập
- Có chế độ trách nhiệm tài sản vô hạn
- Không có tư cách pháp nhân
- Khả năng huy động vốn hạn chế
- Quy mô kinh doanh nhỏ

### 2.2. Thủ tục đăng ký hộ kinh doanh

- Quyền và nghĩa vụ đăng ký HKD (Đ80 NĐ01)
- Cơ quan có thẩm quyền cấp GCNĐKHKD (K1 Đ16, K1 Đ87 NĐ01)
- Hồ sơ, trình tự, thủ tục ĐKHKD (Đ82 - Đ90 NĐ01)
- Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của HKD (Đ91 NĐ01)

2.3. Quyền và nghĩa vụ của chủ HKD, thành viên HKD  
Đ81 NĐ01

## **CHƯƠNG 3. CÔNG TY HỢP DANH**

### **1. Khái niệm, đặc điểm công ty hợp danh**

#### 1.1. Khái niệm

*Công ty HD* là DN có tư cách pháp nhân, gồm ít nhất 2 thành viên là chủ sở hữu chung của công ty, cùng nhau kinh doanh dưới một tên chung và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về các nghĩa vụ của công ty (gọi là thành viên HD) và có thể có thành viên góp vốn chịu trách nhiệm về các khoản nợ của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty.

#### 1.2. Đặc điểm

- Là doanh nghiệp có tư cách pháp nhân
- Có 02 loại thành viên với quy chế pháp lý khác nhau: thành viên HD và thành viên góp vốn
- Có chế độ trách nhiệm tài sản vô hạn
- Không được phát hành chứng khoán

### **2. Quy chế thành viên**

#### 2.1. Quy chế thành viên hợp danh

- Xác lập tư cách thành viên (Đ178; Đ181, Đ186 LDN)
- Chấm dứt tư cách thành viên (Đ180, Đ185 LDN)
- Quyền và nghĩa vụ (Đ181 LDN)

*Lưu ý:* Hạn chế quyền của thành viên HD (Đ180 LDN)

#### 2.2. Quy chế thành viên góp vốn

- Xác lập tư cách thành viên (Đ178, 186 LDN)
- Chấm dứt tư cách thành viên (K3 Đ178 LDN)
- Quyền và nghĩa vụ (Đ187 LDN)

Lưu ý: Hạn chế quyền của thành viên GV (K2 Đ187)

### 3. Các vấn đề về tài chính công ty

- Vấn đề góp vốn của thành viên công ty
- Góp vốn khi thành lập (Đ178 LDN)
- Tiếp nhận thành viên mới (Đ186 LDN)
- Tài sản của CTHD (Đ179 LDN)
- Phân chia lợi nhuận (K1Đ181; K1Đ187 LDN)

### 4. Cơ cấu tổ chức, quản lý công ty

- Công ty HD không bắt buộc có Ban kiểm soát hay Kiểm soát viên.
- Cơ cấu tổ chức, quản lý theo LDN phù hợp với tính chất quản lý, điều hành trực tiếp của các thành viên DN trong công ty.

#### 4.1. Hội đồng thành viên

- Chức năng, thẩm quyền: K3, K4 Đ182 LDN
- Thành phần HĐQT: K1 Đ182 LDN
- Triệu tập họp và thông qua nghị quyết: Đ182, Đ183 LDN

#### 4.2. Chủ tịch HĐQT và Giám đốc/Tổng giám đốc

- Chức năng: K1, Đ182; K4 Đ184 LDN
- Thẩm quyền: K1 Đ182, Đ183 LDN

#### 4.3. Vấn đề quản lý, điều hành công ty

- Thành viên HD: Đ181, Đ184 LDN
- Là người đại diện theo PL của công ty
- Tổ chức điều hành hoạt động KD của công ty
- Phân công điều hành kiểm soát công ty
- Thành viên GV: K2 Đ187 LDN
- Không được tham gia quản lý công ty
- Không được tiến hành công việc KD nhân danh công ty

## CHƯƠNG 4. CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN

### 1. Những vấn đề lý luận chung về công ty TNHH

#### 1.1. Sơ lược quá trình hình thành và phát triển

- Trên thế giới



- Tại Việt Nam

## 1.2. Đặc điểm chung của công ty TNHH

- Là sản phẩm của hoạt động lập pháp
- Về tư cách pháp lý
- Về số lượng thành viên
- Tính “đóng”

## 2. Công ty TNHH hai thành viên trở lên

### 2.1. Khái niệm, đặc điểm công ty TNHH hai thành viên trở lên

#### 2.1.1. Khái niệm

Công ty TNHH 2 thành viên trở lên là loại hình DN có tư cách pháp nhân, không có quyền phát hành cổ phần, do từ 2 đến 50 thành viên cùng góp vốn, cùng hưởng lợi nhuận, cùng chịu lỗ tương ứng với phần vốn góp và chỉ chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty.

#### 2.1.2. Đặc điểm

- Là DN có tư cách pháp nhân
- Thành viên công ty có thể là tổ chức hoặc cá nhân, số lượng từ 2 đến 50 thành viên
- Có chế độ trách nhiệm tài sản hữu hạn
- Không được quyền phát hành cổ phần
- Thành viên phải chuyển nhượng phần vốn góp theo quy định của LDN

### 2.2. Vấn đề tài chính của công ty

- Vấn đề góp vốn thành lập công ty (Đ47 LDN)
- Thay đổi vốn điều lệ (Đ68, Đ70 LDN)
- Yêu cầu công ty mua lại phần vốn góp (Đ51 LDN)
- Chuyển nhượng phần vốn góp (Đ52; K4Đ51; K6, K77 Đ53 LDN)
- Xử lý phần vốn góp trong một số trường hợp đặc biệt (Đ53 LDN)
- Phân chia lợi nhuận (Đ69, Đ70 LDN)

*Lưu ý:* Vấn đề kiểm soát giao dịch có nguy cơ tư lợi (Đ67 LDN)

- Xác định giao dịch cần kiểm soát
- Thủ tục kiểm soát
- Hệ quả pháp lý

### 2.3. Quy chế thành viên công ty

- Xác lập tư cách thành viên (Đ47; Đ52; Đ51; Đ53; Đ68 LDN)
- Chấm dứt tư cách thành viên (Đ47, Đ52, Đ51; Đ53, Đ68 LDN)
- Quyền và nghĩa vụ của thành viên (Đ49; Đ50; Đ72 LDN; Điều lệ công ty)

*Lưu ý:*

- Thời điểm xác lập, chấm dứt tư cách thành viên?
- Văn bản có giá trị trong việc xác định tư cách thành viên?

## 2.4. Cơ cấu tổ chức quản lý

### 2.4.1. Hội đồng thành viên

- Chức năng, thành phần: (K1 Đ55 LDN)
  - Là cơ quan quyết định cao nhất của công ty.
  - Bao gồm tất cả thành viên công ty là cá nhân và người đại diện theo ủy quyền của thành viên công ty là tổ chức.

*Lưu ý:* Thành viên HĐQT có đương nhiên là người quản lý DN?

- Thẩm quyền của HĐQT: K2 Đ55 LDN, Điều lệ công ty
- Chế độ làm việc: K1, K2 Đ59 LDN
- Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền theo các hình thức sau:
  - Biểu quyết tại cuộc họp
  - Lấy ý kiến các thành viên công ty bằng văn bản
  - Hình thức khác
  - Thông qua nghị quyết HĐQT
  - Tại cuộc họp:
    - + Triệu tập họp: Đ57 LDN
    - + Điều kiện và thể thức tiến hành họp: Đ58 LDN
    - + Điều kiện thông qua nghị quyết: K3 Đ59 LDN
    - + Biên bản họp: Đ60 LDN
  - Lấy ý kiến bằng văn bản: K5 Đ59, Đ61 LDN
- Hiệu lực nghị quyết: Đ62 LDN

### 2.4.2. Chủ tịch Hội đồng thành viên

- Chức năng, cơ sở hình thành: K1 Đ56 LDN
- Nhiệm kỳ: K3 Đ56 LDN

- Thẩm quyền, trách nhiệm: K2 Đ56, Đ71 LDN

- Tiền lương, thù lao và lợi ích khác: Đ66 LDN

#### 2.4.3. Giám đốc, Tổng giám đốc

- Chức năng: K1 Đ63 LDN

- Hình thành: K2 Đ55 LDN

- Tiêu chuẩn, điều kiện: Đ64 LDN, Điều lệ công ty; hợp đồng lao động

- Thẩm quyền, trách nhiệm: K2 Đ63, Đ71 LDN, Điều lệ công ty; hợp đồng lao động

#### 2.4.4. Ban kiểm soát

- Chức năng

- Tính bắt buộc: K2 Đ54 LDN

*Sự khác biệt so với LDN 2014?*

- Tiêu chuẩn, điều kiện: K2 Đ65 LDN

- Thẩm quyền, trách nhiệm: K3 Đ65 LDN

### 3. Công ty TNHH một thành viên

#### 3.1 Khái niệm và đặc điểm công ty TNHH một thành viên

##### 3.1.1. Khái niệm

*Công ty TNHH một thành viên* là loại hình doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, không có quyền phát hành cổ phần, do một tổ chức hay một cá nhân làm chủ sở hữu và chỉ phải chịu trách nhiệm về mọi khoản nợ, nghĩa vụ tài sản của công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty.

##### 3.1.2. Đặc điểm

- Là loại hình DN có tư cách pháp nhân

- Có chế độ trách nhiệm tài sản hữu hạn

- Chỉ có một thành viên, là cá nhân hoặc tổ chức làm chủ sở hữu

- Không được phát hành cổ phần

#### 3.2. Quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu

- Quyền của chủ sở hữu: Đ76 LDN

- Nghĩa vụ của chủ sở hữu: Đ77 LDN

- Quyền của chủ sở hữu công ty trong một số trường hợp đặc biệt: Đ78 LDN

#### 3.3. Tài chính công ty

- Góp vốn thành lập công ty: Đ75 LDN

- Kiểm soát giao dịch của công ty với những người có liên quan: Đ86 LDN

- Rút lợi nhuận: K6 Đ77 LDN

- Tăng, giảm vốn điều lệ: Đ87 LDN

### 3.4. Cơ cấu tổ chức, quản lý của công ty

- *Đối với chủ sở hữu là tổ chức:*

- Mô hình 1: Chủ tịch công ty, GD hoặc Tổng GD
- Mô hình 2: HĐQT, GD hoặc Tổng GD

(Đ79 - Đ84 LDN)

- *Đối với chủ sở hữu là cá nhân:*

Chủ tịch công ty, GD hoặc Tổng GD (Đ85 LDN).

## CHƯƠNG 5. CÔNG TY CỔ PHẦN

### 1. Khái niệm, đặc điểm và lịch sử phát triển công ty cổ phần

#### 1.1. Khái niệm

*CTCP* là một loại hình công ty có tư cách pháp nhân, có chế độ trách nhiệm tài sản hữu hạn, có vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần, trong đó phải có cổ phần phổ thông và có thể có các loại cổ phần ưu đãi khác nhau, cổ phần được tự do chuyển nhượng (trừ một số trường hợp ngoại lệ); công ty có quyền phát hành cổ phần các loại để huy động vốn; cổ đông có thể là tổ chức, cá nhân, số lượng tối thiểu là 3 và không hạn chế số lượng tối đa.

#### 1.2. Đặc điểm

- Vốn điều lệ của CTCP được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần.
- Số lượng cổ đông ít nhất là ba và không bị hạn chế tối đa.
- Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của
- Công ty trong phạm vi vốn cổ phần đã góp vào công ty.
- Cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ một số ngoại lệ.
- CTCP được phát hành cổ phần, trái phiếu và các loại chứng khoán khác để huy động vốn
- CTCP có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

#### 1.3. Lịch sử phát triển CTCP và pháp luật về công ty cổ phần CTCP

*Học viên tự nghiên cứu*

### 2. Quy chế cổ đông CTCP

#### 2.1. Cấu trúc cổ phần

- Cơ cấu CP trong CTCP: Đ114 LDN

- Các loại cổ phần trong CTCP:

- Cổ phần phổ thông: bắt buộc
- Cổ phần ưu đãi: không bắt buộc

## 2.2. Cổ phần phổ thông

- CTCP bắt buộc phải có CPPT: K1 Đ114 LDN
- Quyền của cổ đông phổ thông: Đ115, Đ166 LDN
- Mỗi CPPT có 1 phiếu biểu quyết
- CPPT không thể chuyển đổi được thành cổ phần ưu đãi (K5 Đ114 LDN)
- CPPT được tự do chuyển nhượng, trừ quy định tại K3 Đ120, K2 Đ127 LDN
- CTCP được dùng một phần cổ phần phổ thông làm tài sản cơ sở để phát hành chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết.

## 2.3. Cổ phần ưu đãi

- Là loại cổ phần không bắt buộc trong CTCP
- Có thể chuyển đổi thành CPPT theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông
- Có tính hai mặt: ưu đãi và hạn chế quyền
- Các loại cổ phần ưu đãi:
  - CP ưu đãi biểu quyết (K3 Đ114, Đ116 LDN)
  - CP ưu đãi cổ tức (K3 Đ114, Đ117 LDN)
  - CP ưu đãi hoàn lại (K3 Đ114, Đ118 LDN)
  - CP ưu đãi khác theo quy định tại Điều lệ công ty và PL về chứng khoán (K2 Đ 114 LDN)

## 2.4. Xác lập và chấm dứt tư cách cổ đông

- Xác lập tư cách cổ đông
  - *Các trường hợp xác lập tư cách cổ đông*
  - *Thời điểm xác lập tư cách cổ đông*
- Chấm dứt tư cách cổ đông
  - *Các trường hợp chấm dứt tư cách cổ đông*
  - *Thời điểm chấm dứt tư cách cổ đông*

## 2.5. Vấn đề cổ đông nhỏ

- Khái niệm cổ đông nhỏ
- Mục đích, ý nghĩa của việc bảo vệ cổ đông nhỏ

- Quy định của LDN về bảo vệ công đồng nhỏ

### **3. Các vấn đề về tài chính**

#### 3.1. Huy động vốn cổ phần

- Các thời điểm chào bán CP: Đ112, Đ113, Đ123, Đ126 LDN

- Hình thức chào bán CP: Đ123 LDN

- *Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu: Đ124 LDN*

- *Chào bán cổ phần riêng lẻ: Đ125 LDN*

- *Chào bán cổ phần ra công chúng: PL chứng khoán*

#### 3.2. Các biện pháp huy động vốn khác

- Phát hành trái phiếu và các loại chứng khoán khác: Pháp luật chứng khoán

- Huy động vốn từ cá nhân, tổ chức

- Chào bán trái phiếu riêng lẻ: Đ128, Đ129, Đ130 LDN

#### 3.3. Giảm vốn điều lệ

- Theo quyết định của ĐHĐCĐ, công ty hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu CP của họ trong công ty;

- Công ty mua lại cổ phần đã bán theo quy định tại Đ132 và Đ133 LDN;

- Vốn điều lệ không được các cổ đông thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại Đ113 LDN.

(K5 Đ112 LDN)

#### 3.4. Phân phối lợi nhuận

Đ135 LDN

#### 3.5. Công khai thông tin về tài chính

Đ164, Đ176 LDN

### **4. Cơ cấu tổ chức quản lý công ty cổ phần**

#### 4.1. Khái quát

- *Mô hình 1: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.*

- *Mô hình 2: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.*

#### 4.2. Cơ cấu tổ chức quản lý CTCP theo mô hình 1

##### 4.2.1. Đại hội đồng cổ đông

- Chức năng, thành phần (K1 Đ138 LDN)

- Thẩm quyền (K2 Đ138, Điều lệ công ty)
- Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông:
  - Hợp ĐHCĐ: Đ139, Đ140, Đ141, Đ142, Đ143, Đ144, Đ145, Đ146, Đ150 LDN
  - Lấy ý kiến bằng văn bản: Đ149 LDN
  - Nghị quyết của ĐHCĐ: Đ147, Đ148, Đ151, Đ152 LDN

#### 4.2.2. Hội đồng quản trị

- Chức năng: K1 Đ153 LDN
- Thành phần, tiêu chuẩn, bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT: Đ154, Đ155, K3 Đ 148, Đ160 LDN

- Thẩm quyền, trách nhiệm: K2Đ153, Đ159, Đ163, Đ165 LDN

- Chế độ làm việc: K3 Đ153, Đ157, Đ158 LDN

*Lưu ý:* TV HĐQT độc lập (K2 Đ155 LDN)

#### 4.2.3. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc

- Chức năng: K2 Đ162 LDN
- Thẩm quyền, trách nhiệm (K3 Đ162, Đ165 LDN)
- Do HĐQT bổ nhiệm hoặc thuê: K1 Đ162 LDN
- Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn (K2, 5 Đ162; Đ64 LDN)

#### 4.2.4. Ban kiểm soát

- Chức năng (K1 Đ170 LDN)
- Số lượng, nhiệm kỳ BKS (K1 Đ186 LDN)
- Tiêu chuẩn và điều kiện của KSV, trưởng BKS (K2 Đ168, Đ169 LDN)
- Thẩm quyền, trách nhiệm (Đ170, Đ171, Đ172, Đ173 LDN)
- Miễn nhiệm, bãi nhiệm KSV (Đ174 LDN)

### 4.3. Cơ cấu tổ chức quản lý CTCP theo mô hình 2

#### 4.3.1. Khái quát

#### 4.3.2. Đại hội đồng cổ đông

#### 4.3.3. Hội đồng quản trị

*Lưu ý:*

- Thành viên HĐQT độc lập
- Ủy ban kiểm toán

#### 4.3.4. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc

4.4. Tổ chức quản lý và quản trị công ty đại chúng

4.5. Ngăn ngừa xung đột lợi ích

## **CHƯƠNG 6: DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC**

*(Học viên tự nghiên cứu)*

### **1. Khái niệm, đặc điểm, các loại doanh nghiệp nhà nước**

1.1. Khái niệm và đặc điểm của doanh nghiệp nhà nước

1.1.1. Khái niệm

1.1.2. Đặc điểm

1.1.3. Các loại doanh nghiệp nhà nước

### **2. Các vấn đề tài chính của doanh nghiệp nhà nước**

### **3. Cơ cấu tổ chức quản lý của doanh nghiệp nhà nước**

## **CHƯƠNG 7. TỔ CHỨC LẠI VÀ GIẢI THỂ DOANH NGHIỆP**

*(Giảng viên hệ thống 01 số nội dung trọng tâm, học viên tự nghiên cứu)*

### **1. Khái quát về tổ chức lại DN và vấn đề điều chỉnh pháp luật**

*(SV tự nghiên cứu)*

### **2. Các hình thức tổ chức lại doanh nghiệp theo LDN và các vấn đề pháp lý liên quan**

2.1. Chia, tách công ty

- Khái niệm (K1 Đ198, K1 Đ199 LDN)

- Thủ tục: (K2, 3 Đ198; K2, 3 Đ199 LDN)

- Hệ quả pháp lý: (K4, 5 Đ198, K4 Đ199 LDN)

2.2. Hợp nhất, sáp nhập công ty

- Khái niệm (K1 Đ200, K1 Đ201 LDN)

- Thủ tục (K2 Đ200; K2 Đ201 LDN)

- Hệ quả pháp lý (K4, 5 Đ194; K4 Đ201 LDN)

2.3. Chuyển đổi doanh nghiệp

- Khái niệm và đặc điểm

- Trình tự, thủ tục chuyển đổi DN

- TNHH thành CTCP (Đ202 LDN)



- CTCP thành TNHH (Đ203, Đ204 LDN)
- DNTN thành TNHH, CTCP, CTHD (Đ205 LDN)

### **3. Giải thể doanh nghiệp**

- Định nghĩa khái niệm giải thể doanh nghiệp: là việc chấm dứt sự tồn tại của doanh nghiệp theo quyết định của (các) chủ sở hữu (giải thể tự nguyện) hoặc do bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án (giải thể bắt buộc).

- Đặc điểm:

- Giải thể doanh nghiệp là một thủ tục hành chính.
- Việc giải thể doanh nghiệp có thể do nhiều nguyên nhân khác nhau.
- Trước khi có thể chấm dứt sự tồn tại của doanh nghiệp bằng thủ tục giải thể, doanh nghiệp phải hoàn tất việc thanh toán các khoản nợ với các chủ nợ, thanh lý tất cả các hợp đồng mà doanh nghiệp đã ký kết và còn hiệu lực đến trước ngày việc giải thể hoàn tất.

- Các trường hợp giải thể (K1 Đ207 LDN)
- Điều kiện giải thể (K2 Đ207 LDN)
- Thủ tục giải thể (Đ208, Đ209, Đ210 LDN)
- Các hoạt động bị cấm (Đ211 LDN)

Lưu ý: Trường hợp bị thu hồi GCN đăng ký DN (Đ212 LDN)

## **CHƯƠNG 8. HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ**

*(Học viên tự nghiên cứu)*

- 1. Những vấn đề chung về HTX, LHHTX**
- 2. Thành lập, đăng ký kinh doanh HTX, LHHTX**
- 3. Quy chế thành viên HTX, LHHTX**
- 4. Tổ chức, quản lý hợp tác xã**
- 5. Quyền và nghĩa vụ của HTX**
- 6. Chế độ tài sản và tài chính của HTX, LHHTX**
- 7. Tổ chức lại, giải thể và phá sản HTX, LHHTX**

## **CHƯƠNG 9: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ PHÁ SẢN VÀ PHÁP LUẬT VỀ PHÁ SẢN**

*(Giảng viên hệ thống 01 số nội dung trọng tâm, học viên tự nghiên cứu)*

- 1. Những vấn đề lý luận chung về phá sản**
  - 1.1. Khái niệm mất khả năng thanh toán

DN, HTX mất khả năng thanh toán là DN, HTX không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày đến hạn thanh toán (K1 Đ4 LPS).

## 1.2. Khái niệm phá sản

Phá sản là tình trạng của DN, HTX mất khả năng thanh toán và bị Tòa án nhân dân ra quyết định tuyên bố phá sản (K2 Đ4 LPS).

## 1.3. Phân loại phá sản

## 1.4. Khái niệm, đặc điểm thủ tục PS

### 1.4.1. Khái niệm

- Thủ tục phá sản là trình tự, thủ tục giải quyết tình trạng mất khả năng thanh toán của DN, HTX theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân theo quy định của PL.

- Theo LPS:

- Thủ tục nộp đơn, thụ lý và mở thủ tục phá sản
- Thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh
- Thủ tục tuyên bố phá sản và thi hành quyết định tuyên bố phá sản

### 1.4.2. Đặc điểm

- Thủ tục PS có thể được nhìn nhận dưới góc độ tố tụng là quá trình hay trình tự, thủ tục giải quyết tình trạng mất khả năng thanh toán của DN, HTX theo yêu cầu của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

- Thủ tục phá sản bao gồm thủ tục bình thường và thủ tục phá sản rút gọn.

- Về bản chất, thủ tục PS hay có thể gọi là tố tụng PS là một thủ tục tư pháp do tòa án nhân dân tiến hành, không phải thủ tục hành chính.

- Thủ tục PS có thể được coi là thủ tục đòi nợ đặc biệt.

### 1.4.3. Phân biệt thủ tục phá sản với thủ tục giải thể DN, HTX

### 1.4.4. Phân biệt thủ tục đòi nợ thông thường với thủ tục đòi nợ thông qua PS

## 2. Khái quát về pháp luật phá sản

### 2.1. Khái quát về sự ra đời và phát triển của pháp luật phá sản

### 2.2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của Luật Phá sản

#### 2.2.1. Phạm vi điều chỉnh

#### 2.2.2. Đối tượng áp dụng của Luật Phá sản

### 2.3. Mục đích và vai trò của pháp luật PS

#### 2.3.1. Mục đích của pháp luật PS

#### 2.3.2. Vai trò của pháp luật PS

## CHƯƠNG 10. THỦ TỤC PHÁ SẢN DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ

(Giảng viên hệ thống 01 số nội dung trọng tâm, học viên tự nghiên cứu)

### 1. Chủ thể tiến hành và tham gia thủ tục phá sản DN, HTX

#### 1.1. Chủ thể tiến hành thủ tục phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã

##### 1.1.1. Tòa án nhân dân và Thẩm phán

##### 1.1.1.1. Thẩm quyền của Tòa án nhân dân

*Đ8 LPS, Nghị quyết 03/2016/NQ-HĐTP*

##### 1.1.1.2. Thẩm phán

##### 1.1.2. Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản

##### 1.1.2.1. Điều kiện hành nghề quản lý, thanh lý tài sản

##### 1.1.2.2. Chỉ định, thay đổi Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản

##### 1.1.3. Cơ quan thi hành án dân sự

#### 1.2. Các chủ thể tham gia vào quá trình giải quyết phá sản

##### 1.2.1. Chủ nợ

- Khái niệm chủ nợ

- Các loại chủ nợ theo LPS:

- *Chủ nợ có bảo đảm*
- *Chủ nợ có bảo đảm một phần*
- *Chủ nợ không có bảo đảm*

##### 1.2.2. Doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán

##### 1.2.3. Các chủ thể khác

### 2. Trình tự, thủ tục giải quyết PS doanh nghiệp, hợp tác xã

#### 2.1. Thủ tục nộp đơn và thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục PS

##### 2.1.1. Chủ thể có quyền và nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục PS

##### 2.1.1.1. Chủ thể có quyền nộp đơn mở thủ tục PS

- Chủ nợ không có bảo đảm, chủ nợ có bảo đảm một phần

- Người lao động, công đoàn cơ sở, công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở ở những nơi chưa thành lập công đoàn cơ sở

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu

- Thành viên HTX hoặc người đại diện theo pháp luật của HTX thành viên của liên hiệp

HTX

### 2.1.1.2. Chủ thể có nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục PS

- Người đại diện theo pháp luật của DN, HTX
- Chủ DNTN, Chủ tịch Hội đồng quản trị của CTCP, Chủ tịch HĐQT của công ty TNHH hai thành viên trở lên, chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên, thành viên HD của công ty HD.

### 2.1.2. Thủ lý đơn yêu cầu mở thủ tục PS

## 2.2. Mở thủ tục PS

### 2.2.1. Quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản

Quyết định mở thủ tục PS: Dựa trên căn cứ chứng minh DN, HTX bị mất khả năng thanh toán.

### 2.2.2. Hoạt động kinh doanh của DN, HTX sau khi có quyết định mở thủ tục phá sản

- Thay đổi người đại diện theo pháp luật của DN, HTX (K2Đ47 LPS)
- Hoạt động của DN, HTX bị cấm sau khi có quyết định mở thủ tục phá sản (Đ48 LPS)
- Giám sát hoạt động của DN, HTX sau khi có quyết định mở thủ tục phá sản (Đ49 LPS)

### 2.2.3. Các công việc được thực hiện sau khi có quyết định mở thủ tục phá sản

#### 2.2.3.1. Đình chỉ thi hành án dân sự hoặc giải quyết vụ án

#### 2.2.3.2. Kiểm kê tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán

2.2.3.3. Lập danh sách chủ nợ và danh sách những người mắc nợ doanh nghiệp, hợp tác xã bị mở thủ tục phá sản

#### 2.3.3.4. Xử lý khoản nợ

#### 2.2.3.5. Tổ chức hội nghị chủ nợ

- Vai trò của hội nghị chủ nợ:
- Thời điểm và thủ tục triệu tập hội nghị chủ nợ (Đ75 LPS).
- Thành phần tham gia hội nghị chủ nợ (Đ77 LPS).
- Những người có nghĩa vụ tham gia hội nghị chủ nợ (Đ78 LPS).
- Nội dung hội nghị chủ nợ (Đ81, K1 Đ83 LPS).
- Điều kiện để hội nghị chủ nợ hợp lệ và việc thông qua nghị quyết của hội nghị chủ nợ (Đ79, K2 Đ81LPS).

Lưu ý: Chủ nợ có bảo đảm một phần có quyền biểu quyết thông qua Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ?

- Các hệ quả pháp lý phát sinh sau hội nghị chủ nợ lần thứ nhất:

- Tòa án sẽ ra quyết định tuyên bố phá sản đối với DN, HTX trong ba trường hợp:

(i) Hội nghị chủ nợ được triệu tập lại sau khi đã bị hoãn mà vẫn không đáp ứng được điều kiện hợp lệ theo quy định tại Điều 79;

(ii) Hội nghị chủ nợ tiến hành hợp lệ nhưng nghị quyết của hội nghị chủ nợ lại không được thông qua;

(iii) Hội nghị chủ nợ hợp lệ và nghị quyết của hội nghị chủ nợ thông qua với kết luận đề nghị tuyên bố phá sản DN, HTX.

- Trường hợp hội nghị chủ nợ thông qua nghị quyết với kết luận đề nghị áp dụng biện pháp phục hồi hoạt động kinh doanh đối với DN, HTX thì DN, HTX sẽ có cơ hội được xây dựng phương án phục hồi để được áp dụng thủ tục phục hồi.

- Hội nghị chủ nợ cũng có thể đưa ra đề nghị đình chỉ giải quyết yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với DN, HTX.

2.2.4. Vấn đề bảo toàn tài sản của DN, HTX bị mở thủ tục phá sản

2.2.4. Vấn đề bảo toàn tài sản của DN, HTX bị mở thủ tục phá sản

2.2.4.2 Tuyên bố giao dịch vô hiệu

*K1, K2 Đ59, Đ60 LPS*

2.2.4.3 Đình chỉ thực hiện hợp đồng đang có hiệu lực

2.2.4.4. Bù trừ nghĩa vụ

2.3. Thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh

2.3.1. Mục đích, ý nghĩa và điều kiện áp dụng thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh

2.3.1.1. Mục đích, ý nghĩa

2.3.1.2. Điều kiện áp dụng thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh

2.3.1.2. Điều kiện áp dụng thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh

2.3.2. Xây dựng và thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh

2.3.2.1. Xây dựng phương án phục hồi

2.3.2.2. Thông qua phương án phục hồi

2.3.3. Thực hiện phương án phục hồi

2.3.3.1. Thời hạn thực hiện phương án phục hồi

2.3.3.2. Giám sát thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh

2.3.4. Đình chỉ thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh

2.3.4.1. Căn cứ đình chỉ thủ tục phục hồi

2.3.4.2. Hậu quả pháp lý của quyết định đình chỉ thủ tục phục hồi

2.4. Thủ tục tuyên bố phá sản

#### 2.4.1. Các trường hợp ra quyết định tuyên bố phá sản

2.4.1.1. Quyết định tuyên bố phá sản theo thủ tục rút gọn

2.4.1.2. Quyết định tuyên bố tài sản sau khi hội nghị chủ nợ không thành

2.4.1.3. Quyết định tuyên bố phá sản sau khi có nghị quyết của hội nghị chủ nợ

2.4.1.4. Tuyên bố phá sản đối với tổ chức tín dụng

#### 2.4.2. Thông báo, khiếu nại, kháng nghị quyết định tuyên bố phá sản

#### 2.4.3. Nội dung và hệ quả pháp lý của quyết định tuyên bố phá sản

#### 2.4.4. Thi hành quyết định tuyên bố tài sản

2.4.4.1. Xác định các nghĩa vụ về tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán

2.4.4.2. Thẩm quyền thi hành quyết định tuyên bố phá sản

2.4.4.3. Những công việc cần thực hiện để thi hành quyết định tuyên bố phá sản

- Tổ chức thanh lý tài sản của DN, HTX bị tuyên bố phá sản

- Hoàn trả khoản vay đặc biệt

- Trả lại tài sản thuê hoặc mượn

- Phân chia giá trị tài sản còn lại của DN, HTX (Đ54 LPS)

#### 2.4.5. Đình chỉ thi hành quyết định tuyên bố phá sản

## **PHẦN B: THẢO LUẬN**

Giảng viên đưa ra các câu hỏi trọng tâm để trao đổi, thảo luận, gợi mở cách thức trả lời, trình bày cho học viên.